

THÀNH PHẦN LOÀI LƯỠNG CƯ, BÒ SÁT Ở VÙNG NÚI NGỌC THANH, THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Trần Thanh Tùng^{1*}, Hoàng Văn Ngọc²

¹Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, ²Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Vùng núi Ngọc Thanh thuộc thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc còn nhiều diện tích rừng tự nhiên. Do các hoạt động của con người đã tác động đến môi trường làm mất cân bằng sinh thái, mất nơi ở của một số loài trong đó có các loài Lưỡng cư, Bò sát. Nhằm đánh giá hiện trạng thành phần loài nơi đây, nhóm tác giả đã khảo thực địa từ tháng 3 đến 7 năm 2018 và thu thập được 208 mẫu vật của 64 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 53 giống, 25 họ, 5 bộ. Trong đó bộ Squamata đa dạng nhất với 13 họ, 26 giống, 33 loài; họ Colubridae đa dạng nhất với 6 giống, 9 loài; giống *Sylvirana* đa dạng nhất có 5 loài. Đã xác định ở vùng nghiên cứu có 15 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 7 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN (2018); 8 loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ khóa: Thành phần loài; lưỡng cư; bò sát; Ngọc Thanh; Vĩnh Phúc.

Ngày nhận bài: 27/3/2020; Ngày hoàn thiện: 14/6/2020; Ngày đăng: 22/6/2020

SPECIES COMPOSITION OF AMPHIBIANS AND REPTILES FROM NGOC THANH MOUNTAIN FOREST, PHUC YEN CITY, VINH PHUC PROVINCE

Tran Thanh Tung^{1*}, Hoang Van Ngoc²

¹Vinh Phuc College, ²TNU - University of Education

ABSTRACT

Many natural forests still exist in the Ngoc Thanh mountainous area in Phuc Yen city, Vinh Phuc province. Human activities have been affecting the environment and causing ecological imbalances. Besides, these activities also cause habitat loss for some species, including amphibians and reptiles. Assessing the current status of species composition, we conducted a field survey in this area from March to July 2018. We collected 208 specimens of 64 species of amphibians and reptiles belonging to 53 genera, 25 families, and five orders. Classification results had recorded the Squamata is the most diverse order with 13 families, 26 genera and 33 species; the Colubridae is the most varied family with six genera and nine species; the most diverse genus is *Sylvirana* with five species. There were 15 species identified in Vietnam's Red Data Book (2007); 7 species are listed in the IUCN Red List of Threatened Species (2020); 8 species are listed in the Decree No. 06/2019/ND-CP dated January 22, 2019, of the Government.

Keywords: Species composition; amphibians; reptiles; Ngoc Thanh; Vinh Phuc

Received: 27/3/2020; Revised: 14/6/2020; Published: 22/6/2020

* Corresponding author. Email: tungbiology3@gmail.com

1. Giới thiệu

Xã Ngọc Thanh thuộc thành phố Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Tọa độ địa lý từ 21° 08' N 105° 109'E. Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; phía Nam và Tây Nam giáp các xã Cao Minh, Xuân Hòa, Đồng Xuân - thị xã Phúc Yên; phía Tây giáp xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên; phía Đông giáp xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn – TP Hà Nội [1].

Diện tích tự nhiên là 7.732,68 ha, địa hình đa dạng đan xen giữa các dãy núi là vùng đồng bằng. Đồi núi, dốc thoải nên vùng này có nhiều suối bắt nguồn từ các núi đổ về hồ Đại Lải. Khí hậu thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm là 19,4°C (tháng cao nhất là 32°C, tháng thấp nhất 5°C). Lượng mưa trung bình năm là 1.323 mm, lượng mưa phân bố không đều trong năm, tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau chỉ chiếm 20% tổng lượng mưa trong năm. Độ ẩm không khí là 83% [1].

Cuối thế kỉ XX, vùng núi này còn giữ được các đặc trưng cơ bản của rừng tự nhiên, ít bị tác động của con người: hệ động, thực vật rừng đa dạng, có các loài đặc hữu và quý hiếm đang sinh sống. Nhưng hiện nay, do các hoạt động của con người: khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức, đô thị hoá nhanh, sự bùng nổ dân số, săn bắt động vật và buôn bán gỗ đã tác động đến môi trường làm mất cân bằng sinh thái, mất nơi ở của một số loài và nhiều loài có nguy cơ bị suy giảm số lượng cá thể, trong đó có các loài Lưỡng cư, Bò sát (LC, BS) như: Éch gai (*Paa spinosa*), Trăn đất (*Python molurus*), Rồng đất (*Physignathus cocincinus*), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*), Rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), Rùa hộp ba vạch (*Cuora trifasciata*) [2].

Nghiên cứu LC, BS có công trình điều tra sơ bộ, thống kê phân loại [2]. Do đó, số liệu về

thành phần loài LC, BS ở vùng núi chưa đầy đủ và hệ thống.

Nghiên cứu này nhằm phát hiện tối đa thành phần loài LCBS cho vùng núi xã Ngọc Thanh và cung cấp nguồn tư liệu tham khảo cho việc giảng dạy ở Đại học và Cao đẳng, cũng như cho địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Địa điểm thực địa tại vùng núi Ngọc Thanh: Núi Ba Co (Tọa độ: 21° 18' 30''N 105°45' 30'' E); núi Đá Trắng (21° 24' 27''N 105°43'39'' E); núi Con Voi (21° 22' 27''N 105°42',43'' E); núi Dọn (21° 19' 21''N 105°46',04'' E). Các tuyến khảo sát được lập để thu thập mẫu vật và quan sát qua các sinh cảnh của vùng nghiên cứu: Đường mòn trong rừng; sông suối; khu dân cư; đồng ruộng; rừng tự nhiên; rừng phục hồi và rừng trồng. Mẫu vật được thu bằng gậy hoặc bằng tay, sau đó chụp ảnh, đo độ cao, xác định tọa độ địa lý. Mẫu vật được gậy mê, đeo nhãn và định hình trong cồn 85% trong vòng 4 – 10 tiếng, sau đó chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70%. Ngoài ra còn điều tra, phỏng vấn người dân địa phương về thành phần loài.

Đã thu được 208 mẫu vật thu được ở vùng núi Ngọc Thanh, hiện mẫu vật đang được lưu giữ tại Phòng thí nghiệm Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc. Mẫu vật sau khi đã phân tích các số liệu được định tên khoa học theo các tài liệu: Taylor (1962) [3], Smith [4]. Danh lục tên khoa học, tên phổ thông của các loài theo tài liệu của Frost (2020) [5], Uetz et al (2020) [6], Nguyen et al (2009) [7].

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Thành phần loài

Qua phân tích mẫu vật và quan sát trực tiếp tại thực địa, điều tra phỏng vấn và tư liệu, nhóm tác giả đã ghi nhận được 64 loài LC, BS thu được ở vùng núi Ngọc Thanh. So với các tài liệu [2], [7] nghiên cứu này đã ghi nhận bổ sung 5 loài LC, BS cho tỉnh Vĩnh Phúc; 22 loài LCBS cho vùng núi Ngọc Thanh (Bảng 1).

Bảng 1. Danh sách các loài LCBS ở vùng núi Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Ntl	Quý hiếm		
				SĐ VN	IU CN	NĐ 06
AMPHIBIA		LỚP ẾCH NHÁI				
I. CAUDATA		BỘ CÓ ĐUÔI				
1. Salamandridae		Họ cá cóc				
1	<i>Paramesotriton deloustali</i> Bourret, 1934	Cá cóc Tam Đảo	M			IIB
II. GYMNOPIHONA		BỘ KHÔNG CHÂN				
2. Ichthyophiidae		Họ ếch giun				
2	<i>Ichthyophis bannanicus</i> Yang, 1984*+	Ếch giun	M			
III. ANURA		BỘ KHÔNG ĐUÔI				
3. Bufonidae		Họ Cóc				
3	<i>Bufo galeatus</i> Gunther, 1864+	Cóc rừng	M	VU		
	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	M			
4. Megophryidae		Họ Cóc bùn				
5	<i>Leptobrachium chapaense</i> (Bourret, 1937)+	Cóc mây Sa Pa	M			
6	<i>Megophrys major</i> Boulenger, 1908	Cóc mắt bên	M			
5. Microhylidae		Họ Nhái bầu				
7	<i>Microhyla heymonsi</i> Vogt, 1911	Nhái bầu hây môn	M			
8	<i>Microhyla mukhlesuri</i> Hasan, Islam, Kuramoto, Kurabayashi & Sumida, 2014+	Nhái bầu	M			
9	<i>Microhyla pulchra</i> (Hallowell, 1861 “1860”)	Nhái bầu vân	M			
10	<i>Micryletta inornata</i> (Boulenger, 1890)	Nhái bầu tron	M			
6. Dicroglossidae		Họ Ếch nhái chính thức				
11	<i>Limnonectes bannaensis</i> Fitzinger, 1843*+	Ếch nhẽo ba - na	M			
12	<i>Limnonectes limnocharis</i> (Boie, 1834)	Ngoé	M			
13	<i>Quasipaa spinosa</i> (David, 1875)+	Ếch gai	M	EN	VU	
14	<i>Occidozyga laevis</i> (Gunther, 1859 “1858”)	Cóc nước nhẵn	M			
15	<i>Occidozyga lima</i> (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sần	M			
7. Ranidae		Họ Ếch nhái				
16	<i>Nidirana chapaensis</i> (Bourret, 1937)+	Chàng Sa Pa	M			
17	<i>Odorrana chapaensis</i> (Bourret, 1937)+	Ếch tám đá Sa Pa	M			
18	<i>Sylvirana guentheri</i> Boulenger, 1882	Chẫu	M			
20	<i>Sylvirana macrodactyla</i> (Gunther, 1859 “1858”)+	Chàng hiu	M			
21	<i>Sylvirana maosonensis</i> (Bourret, 1937)+	Chàng mẫu son	M			
22	<i>Sylvirana nigrovittata</i> (Blyth, 1855)	Ếch suối	M			
23	<i>Rana johnsi</i> Smith, 1921	Hiu hiu	M			
8. Rhacophoridae		Họ Ếch cây				
24	<i>Polypedates megacephalus</i> Hallowell, 1861	Chẫu chàng đầu to	M			
25	<i>Rhacophorus rhodopus</i> Liu & Hu, 1959*+	Ếch cây chân đỏ	M			
26	<i>Zhanghixalus dennysii</i> (Blanford, 1881)+	Ếch cây xanh đốm	M			
REPTILIA		LỚP BÒ SÁT				
IV. SQUAMATA		BỘ CÓ VÁY				
9. Agamidae		Họ Nhông				
27	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vảy	M			
28	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	M	VU		
10. Gekkonidae		Họ Tắc kè				
29	<i>Gekko reevesii</i> (Gray, 1831)	Tắc kè	M	VU		
30	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schlegel, in Dumeril et Bibron, 1836	Thạch sùng đuôi sần	M			
11. Lacertidae		Họ Thằn lằn thực				
31	<i>Takydromus sexlineatus</i> Daudin, 1802	Liu điu chỉ	M			
12. Scincidae		Họ Thằn lằn bóng				

32	<i>Eutropis chapaensis</i> (Bourret, 1937)	Thằn lằn bóng Sa Pa	M			
33	<i>Eutropis longicaudata</i> (Hallowell, 1857)	Thằn lằn bóng đuôi dài	M			
34	<i>Eutropis multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thằn lằn bóng hoa	M			
35	<i>Plestiodon tamdaoensis</i> (Bourret, 1937) ⁺	Thằn lằn eme tam đảo	M			
13. Varanidae		Họ Kỳ đà				
36	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	Kỳ đà hoa	Đt	VU		IIB
14. Typhlopidae		Họ Rắn giun				
37	<i>Ramphotyphlops braminus</i> (Daudin, 1803) ⁺	Rắn giun thường	M			
15. Boidae		Họ Trăn				
38	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	Đt	CR		IIB
16. Xenopeltidae		Họ Rắn móng				
39	<i>Xenopeltis unicolor</i> Reinwardt, in Boie, 1827	Rắn móng	M			
17. Colubridae		Họ Rắn nước				
40	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, in Boie, 1827)	Rắn roi thường	M			
41	<i>Boiga guangxiensis</i> Wen, 1998 ^{*,+}	Rắn rào Quảng Tây	M			
42	<i>Boiga multomaculata</i> (Reinwardt, Boie, 1827) ⁺	Rắn rào đốm	M			
43	<i>Dendrelaphis ngansonensis</i> Bourret, 1935 ^{*,+}	Rắn leo ngân sơn	M			
44	<i>Coelognathus radiata</i> (Boie, 1827)	Rắn sọc dưa	M	VU		
45	<i>Elaphe taeniura</i> (Cope, 1861)	Rắn sọc đuôi	M	VU		
46	<i>Oligodon chinensis</i> (Gunther, 1888) ^{*,+}	Rắn khiếm Trung Quốc	M			
47	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn rào thường	M	EN		
48	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758) ⁺	Rắn rào trâu	M	EN		IIB
18. Homalopsidae		Họ Rắn bông				
49	<i>Myrrophis chinensis</i> (Gray, 1842) ⁺	Rắn bông Trung Quốc	M			
50	<i>Hypsiglossus plumbeus</i> (Boie, 1827)	Rắn bông chì	M			
19. Natricidae		Họ Rắn sài				
51	<i>Amphiesma stolata</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn sài thường	M			
52	<i>Fowlea flavipunctatus</i> (Hallowell, 1861)	Rắn nước đốm vàng	M			
53	<i>Sinonatrix percarinata</i> (Boulenger, 1899) ⁺	Rắn hoa càn vân đen	M			
54	<i>Rhabdophis chrysargus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn hoa cỏ vàng	M			
20. Elapidae		Họ Rắn hổ				
55	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong	M	EN		
56	<i>Bungarus multicinctus</i> (Blyth, 1861)	Rắn cạp nia bắc	M			
57	<i>Naja atra</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang	M	EN		IIB
58	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836) ⁺	Rắn hổ chúa	M	CR	CR	IB
21. Viperidae		Họ Rắn lục				
59	<i>Trimeresurus albolabris</i> Gray, 1842	Rắn lục mép trắng	M			
V. TESTUDINATA		BỘ RÙA				
22. Platysternidae		Họ Rùa đầu to				
60	<i>Platysternon megacephalum</i> Gray, 1831	Rùa đầu to	M	EN	EN	IB
23. Emydidae		Họ Rùa đằm				
61	<i>Cuora mouhoti</i> (Gray, 1862) ⁺	Rùa sa nhân	M		EN	IIB
62	<i>Sacalia quadriocellata</i> (Siebenrock, 1903) ^{*,+}	Rùa bốn mắt	M		EN	IIB
24. Testudinidae		Họ Rùa núi				
63	<i>Indotestudo elongata</i> (Blyth, 1853)	Rùa núi vàng	Đt	EN	EN	IIB
25. Trionychidae		Họ Ba ba				
64	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1834)	Ba ba trơn	M		VU	

Ghi chú: Thông tin: Ntl. Nguồn tư liệu; Đt. Điều tra; M. Mẫu. SDVN. Sách Đỏ Việt Nam năm 2007

(CR. Cực kỳ nguy cấp, EN. Nguy cấp, VU. Sẽ nguy cấp); IUCN. Danh lục Đỏ của IUCN, 2018 (CR. Cực kỳ nguy cấp, EN. Nguy cấp, VU. Sẽ nguy cấp); NĐ06. Nghị định số 06/2019/NĐ - CP (IB. Nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại, IIB. Hạn chế khai thác vì mục đích thương mại); *. Loài bổ sung cho tỉnh Vĩnh Phúc; +. Loài bổ sung cho vùng núi Ngọc Thanh.

Kết quả nghiên cứu đã xác định LCBS ở vùng núi Ngọc Thanh có 64 loài thuộc 53 giống, 25 họ, 5 bộ. Trong đó 26 loài LC thuộc 19 giống, 8 họ và 3 bộ; 38 loài BS thuộc 34 giống, 17 họ và 2 bộ. Trong đó, Bộ Squamata đa dạng nhất gồm 13 họ, 26 giống, 33 loài; Họ Colubridae đa dạng nhất: 6 giống, 9 loài; Giống *Sylvirana* đa dạng nhất có 4 loài.

3.2. Các loài quý hiếm có giá trị bảo tồn

Trong số 64 loài LCBS ghi nhận ở vùng nghiên cứu có 15 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) [8]: 2 loài ở bậc CR, 7 loài ở bậc EN, 6 loài bậc VU; 7 loài có trong Danh Lục Đỏ IUCN (2019) [9]: 1 loài ở bậc CR, 4 loài ở bậc EN, 2 loài bậc VU; 10 loài có trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ: 2 loài trong nhóm IB, 8 loài thuộc nhóm IIB [10] (bảng 1).

4. Kết luận

Đã ghi nhận được ở vùng núi Ngọc Thanh có 64 loài LCBS thuộc 45 giống, 25 họ, 5 bộ. Trong đó 26 loài LC thuộc 15 giống, 8 họ và 3 bộ; 38 loài BS thuộc 30 giống, 17 họ và 2 bộ. Ghi nhận bổ sung 5 loài LC, BS cho tỉnh Vĩnh Phúc; 22 loài LCBS cho vùng núi Ngọc Thanh.

Xác định được bộ Squamata đa dạng nhất với 13 họ, 26 giống, 33 loài. Họ Colubridae đa dạng nhất: 6 giống, 9 loài. Giống *Sylvirana* đa dạng nhất có 5 loài.

Đã ghi nhận ở vùng núi Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có 15 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 7 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2019); 10 loài có trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. T. N. M. Ma, V. B. Chu, and D. T. Le, "The diversity of the vascular plants in the natural regeneration vegetation in Ngoc Thanh commune, Phuc Yen town, Vinh Phuc province," (In Vietnamese), *Vietnam Science and Technology Journal*, vol. 82, no. 06, pp. 729-736, 2006.
- [2]. V. S. Nguyen, T. C. Ho, and Q. T. Nguyen, *List of Vietnamese Reptiles and Frogs*. Agriculture Publishing House, Hanoi, 2005, 178 pp.
- [3]. E. H. Taylor, "The Amphibian Fauna of Thailand," *The University of Kansas science Bulletin*, vol. 63, no. 8, pp. 689-1077, 1962.
- [4]. M. A. Smith, *The fauna of British India, Ceylon and Burma, Reptilia and Amphibia*, 3 - Serpents, London, 1943, 525pp.
- [5]. D. R. Frost, "Amphibian species of the world", 2018. [Online]. Available: <http://research.amnh.org/herpetology/amphibi an/index.html>. [Accessed Feb. 19, 2020].
- [6]. P. Uetz, P. Freed, and J. Hosek, Eds, "The Reptile Database", 2018. [Online]. Available: <http://reptile-database.org>. [Accessed Feb. 19, 2020].
- [7]. V. S. Nguyen, T. C. Ho, and Q. T. Nguyen, *Herpetofauna of Vietnam*. Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 2009, 768pp.
- [8]. N. T. Dang, K. Tran, H. H. Dang, C. Nguyen, N. T. Nguyen, H. Y. Nguyen, and T. D. Dang, *Vietnam Red data Book*. Science and Technology Publishing House (In Vietnamese), Hanoi, 2007, 517 pp.
- [9]. IUCN, "Red list of the Threatened species", Version, 2019. [Online]. Available: <http://www.inucnredlist.org/>. [Accessed Dec. 16, 2019].
- [10]. Government of the Socialist Republic of Vietnam, *Decree No.06/2019 / ND-CP of Jan 22, 2019 on the management of endangered, rare and precious plants and animals*, (In Vietnamese), 31 pages, 2019.